TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIM THÀNH** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 43/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 30/12/2020
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Chu Văn Nghĩa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Xuân Tìm và bà Nguyễn Thị Quy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Quốc Cường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 274/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2020/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị A, **s**inh năm 1997.

ĐKHK: Thôn L, xã K, huyện K, Hải Dương.

Nơi cư trú: Thôn T, xã M, thị xã K, Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh Lê Văn T, **s**inh năm 1994.

Địa chỉ: Thôn L, xã K, huyện K, Hải Dương.

(Nguyên đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, được bổ sung bởi biên bản tự khai, biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:***

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, đăng ký tại UBND xã K (nay là xã KL), huyện Kim Thành vào tháng 11 năm 2015. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chị sinh sống cùng gia đình bố mẹ đẻ anh T tại xã Kim Liên, Kim Thành, Hải Dương. Vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do quá trình chung sống thì vợ chồng ngày càng bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm đến danh dự của nhau, vợ chồng đã rất nhiều lần nói chuyện với nhau

để tìm cách khắc phục mâu thuẫn, cho nhau cơ hội để sửa đổi, tìm lại hạnh phúc trong cuộc sống vợ chồng; được gia đình hai bên khuyên bảo nhiều lần nhưng càng ngày thì vợ chồng càng bất hòa, không có được sự hòa hợp và mâu thuẫn vợ chồng thêm căng thẳng. Chị đã cố gắng chịu đựng gìn giữ cuộc sống vợ chồng vì các con, tuy nhiên đến tháng 6/2019 thì vợ chồng lại tiếp tục phát sinh mâu thuẫn trầm trọng nên chị đã về gia đình bố mẹ đẻ chị ở xã M, thị xã K sinh sống cho đến nay, từ khi sống ly thân thì vợ chồng không còn quan hệ tình cảm, không liên lạc và cũng không quan tâm đến nhau. Đến nay, vợ chồng mâu thuẫn đã trầm trọng, sống ly thân kéo dài, không còn tình cảm với nhau nên không thể tiếp tục chung sống; do vậy chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn T.

2. Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân thì vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Phương V, sinh ngày 07/4/2015 và cháu Lê Anh Đ, sinh ngày 27/12/2018. Từ khi vợ chồng sống ly thân vào tháng 6/2019 thì chị và anh T đã thống nhất với nhau là chị nuôi cháu Đ, anh T nuôi cháu V; từ đó cho đến nay thì chị vẫn là người trực tiếp nuôi cháu Đ, anh T nuôi cháu V. Quan điểm của chị là khi ly hôn thì mỗi người nuôi 01 con chung, chị tiếp tục nuôi cháu Đ, anh T nuôi cháu V. Chị tự nguyện không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Quan điểm của bị đơn:***

****** *Quan điểm của bị đơn:* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng cho bị đơn và triệu tập bị đơn đến Tòa án để trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn và cung cấp tài liệu chứng cứ. Tuy nhiên tất cả các lần Tòa án triệu tập cũng như phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, bị đơn đều vắng mặt không có lý do.

Theo yêu cầu của đương sự, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ về mâu thuẫn vợ chồng, về nuôi dưỡng con chung; cụ thể như sau:

- *Xác minh tại UBND xã K, huyện K:* Chị Nguyễn Thị A và anh Lê Văn T đăng ký kết hôn tại UBND xã K vào tháng 11/2015, trong thời gian chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống cũng như về kinh tế nên chị A đã bỏ về gia đình bố mẹ đẻ ở thị xã K sinh sống; anh T vẫn cư trú, sinh sống tại địa phương.

- *Ông Lê Duy Mắn (ông nội của anh T) khai:* Vợ chồng chị A và anh T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống cũng như về kinh tế. Do vợ chồng mâu thuẫn nên chị A đã bỏ về sống tại gia đình bố mẹ đẻ từ tháng 4/2019 đến nay.

- *Bà Phạm Thị Dung (mẹ đẻ chị A) khai:* Vợ chồng chị A và anh T trong thời gian chung sống có xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Anh T

ham chơi bời, thường xuyên bỏ nhà đi chơi nhiều ngày, không quan tâm gì đến vợ con, mỗi khi chị A nhắc nhở thì lại đối xử cục xúc, chửi bới vợ thậm tệ. Do vợ chồng mâu thuẫn nên chị A đã bỏ về gia đình bà sinh sống, gia đình bà đã khuyên bảo nhưng anh T không thay đổi. Từ tháng 8/2018 chị A cùng 02 được gia đình khuyên bảo nên chị A đã trở về gia đình chung sống cùng anh T, nhưng chỉ được một thời gian ngắn thì vợ chồng lại phát sinh mâu thuẫn nên tháng 6/2019 chỉ Anh lại bỏ về sinh sống tại gia đình bà, từ đó cho đến nay anh T bỏ mặc, không quan tâm gì đến mẹ con chị A.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh Lê Văn T và giải quyết vấn đề nuôi con chung khi ly hôn.

- Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và Thư ký Toà án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật và của Tòa án; bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị A được ly hôn anh Lê Văn T. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị A được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Lê Anh Đ, sinh ngày 27/12/2018; giao cho anh Lê Văn T trực tiếp nuôi cháu Lê Phương V, sinh ngày 07/4/2015; thời điểm thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với con chung tính từ tháng 12/2020 cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị A không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở. Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Nguyên đơn không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết. Về án phí: Chị Nguyễn Thị A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Đây là vụ án về *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn hiện đang cư trú, sinh sống tại xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 18/12/2020, Tòa án nhân dân huyện Kim Thành đã mở phiên tòa để xét xử vụ án, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập đã được tống đạt hợp lệ cho các đương sự, tuy nhiên tại phiên tòa bị đơn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử đã ra Quyết định hoãn phiên tòa và tiếp tục tống đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập cho bị đơn. Tại phiên tòa hôm nay Nguyên đơn đề nghị xử vắng mặt, Bị đơn mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến tham gia tố tụng tại phiên tòa lần 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị A và anh Lê Văn T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Kim Liên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương vào tháng 11/2015 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

[3] Căn cứ các tài liệu chứng cứ đã được thu thập trong quá trình giải quyết vụ án, xác định: Trong thời kỳ hôn nhân thì vợ chồng chị Nguyễn Thị A và anh Lê Văn T phát sinh mâu thuẫn, mặc dù mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên bảo nhưng cuộc sống tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập bị đơn đến để trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn; triệu tập các đương sự để để tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do; điều này không những thể hiện sự không tuân thủ, chấp hành quy định của pháp luật mà còn thể hiện không có nguyện vọng đoàn tụ vợ chồng. Vợ chồng sống ly thân kéo dài, trong suốt quá trình giải quyết vụ án vợ chồng vẫn tiếp tục sống ly thân, bị đơn cũng không có những biện pháp cụ thể để khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng; đến thời điểm hiện tại vợ chồng không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; sống bỏ mặc, không quan tâm đến nhau. Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn xác định vợ chồng không còn tình cảm và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn; do vậy, có đủ căn cứ để xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị A, giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn T.

[4] *Về con chung:* Vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Phương V, sinh ngày 07/4/2015 và cháu Lê Anh Đ, sinh ngày 27/12/2018. Khi ly hôn, chị A có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung Lê Anh Đ; giao con chung là Lê Phương V cho anh T nuôi dưỡng. Chị tự nguyện không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu này thì thấy: Từ khi vợ chồng sống ly thân thì chị A là người trực tiếp nuôi dưỡng Lê Anh Đ; anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Phương V. Mặt khác, cháu Lê Anh Đ chưa đủ 36 tháng tuổi, cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ. Quá trình Tòa án xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ để giải quyết vụ án, có căn cứ xác định chị A và anh T đều có công việc và thu nhập ổn định, được sự hỗ trợ, giúp đỡ của gia đình trong việc nuôi dưỡng con chung. Do vậy, để đảm bảo sự ổn định trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc của 02 con chung; cần tiếp tục giao cháu Lê

Anh Đ cho chị A, giao cháu Lê Phương V cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là đảm bảo quyền lợi mọi mặt của các con chung và phù hợp quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị A về việc không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] *Về tài sản, nợ chung vợ chồng:* Nguyên đơn không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[6] *Về án phí:* Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

***** *Căn cứ:* Điều 39 của Bộ luật dân sự. Các Điều 51, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình. Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự. Luật phí và lệ phí. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị A:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị A được ly hôn với anh Lê Văn T.

- *Về con chung*: Giao cho chị Nguyễn Thị A được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Anh Đ, sinh ngày 27/12/2018; giao cho anh Lê Văn T trực tiếp nuôi dưỡng Lê Phương V, sinh ngày 07/4/2015. Thời điểm thực hiện quyền, nghĩa vụ đối với việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung tính từ tháng 12/2020 cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị A về việc không yêu cầu anh Lê Văn T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

+ Về tài sản, nợ chung vợ chồng: Nguyên đơn không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

+ Về án phí: Chị Nguyễn Thị A phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm; được đối trừ với số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương theo Biên lai nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0001601 ngày 26/10/2020. Chị Anh đã thực hiện xong nghĩa vụ án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm; vắng mặt các đương sự. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 6;7;9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

- Nơi nhận:
+ VKSND huyện Kim Thành.
+ Chi cục THADS huyện Kim Thành.
+ UBND xã K, huyện K.
+ Các đương sự.
+ Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Chu Văn Nghĩa